

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2022
Về việc ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

*** Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Lê Đình Hiệp

2. Ông Hạng Minh Thu

*** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** Bà
Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 350/
TLST-HNGĐ ngày 04/7/2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 92/2022/QĐXX- ST ngày 08/9/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Quách Văn Q, sinh năm 1963. Có mặt

HKTT: SN 12, tổ 8, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

*** Bị đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1968. Có mặt

HKTT: SN 12, tổ 8, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các bản khai và tại Tòa án nguyên đơn anh Quách Văn Q trình bày: Anh và chị Lê Thị T kết hôn năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND phường QT, thành phố TN. Sau khi kết hôn vợ chồng anh đi làm ăn và sinh sống tại tỉnh Lai Châu. Đến năm 2012, anh chị chuyển về sinh sống tại phường QT, thành phố TN. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng anh chị có hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 thì bắt đầu đã nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cãi vã, tại thời điểm đó anh cũng đã có ý định ly hôn. Sau khi chị T bị tai biến vào năm 2012 thì anh không còn ý định ly hôn nữa mà muốn ở lại chăm sóc vợ. Tuy nhiên, chị T ngày càng khó tính, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Đến năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, anh và chị T đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị T vẫn ở lại nhà riêng thuộc tổ 8, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên với hai con trai, còn anh đi thuê phòng trọ tại tổ 08 phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên. Anh xác định

không còn tình cảm với chị T, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Quách Văn H, sinh ngày 16/3/1999 và Quách Văn D, sinh ngày 09/11/2004. Khi ly hôn anh đồng ý để cháu D sống với mẹ, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng. Còn con trai H đã kết hôn và có con nhỏ nên anh không đề nghị giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung: công nợ chung không có. Tài sản chung không đề nghị giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị T trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa trình bày: Chị xác định lời khai của anh Q về thời gian kết hôn là đúng. Anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 đến nay, nguyên nhân do anh Q có người khác, không quan tâm đến vợ con, có lúc đánh đập chị. Chị T xác định không còn tình cảm với anh Q, mâu thuẫn gia đình đã ở mức trầm trọng. Tuy nhiên, chị chỉ đồng ý ly hôn với anh Q sau khi hai vợ chồng thỏa thuận xong vấn đề tài sản chung.

Về con chung: Chị T có nguyện vọng nếu ly hôn sẽ nuôi con út là Quách Văn D, sinh ngày 09/11/2004 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con trai lớn Quách Văn H, sinh ngày 16/3/1999, đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T khai anh chị có tài sản chung là nhà và đất tại nơi chị đang ở thuộc tổ 8, phường QT, thành phố TN. Chị yêu cầu thỏa thuận phân chia tài sản chung trước khi ly hôn nhưng không đồng ý cung cấp các giấy tờ liên quan đến tài sản hai vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, nhiều lần tổ chức hòa giải đối với anh Q, chị T nhưng không thành. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, anh Q giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với chị T. Về con chung, anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Quách Văn D, sinh ngày 09/11/2004, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng. Đối với con lớn là Quách Văn H do đã trên 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Chị T không đồng ý ly hôn với anh Q do chưa thỏa thuận xong việc phân chia tài sản. Chị đồng ý với anh Q về vấn đề con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuân thủ đúng quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Quách Văn Q, cho anh Q được ly hôn với chị Lê Thị T. Về con chung: Giao con

chung là Quách Văn D, sinh ngày 09/11/2004 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, con trai H đã trưởng thành nên không giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu. Công nợ chung không có, tài sản chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Buộc anh Q chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Quách Văn Q và chị Lê Thị T là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi vã, anh Q chưa có sự quan tâm đến vợ con. Anh, chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay, cả hai xác định không còn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị T đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Q đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Việc chị T không đồng ý ly hôn với anh Q với lý do chưa thỏa thuận xong vấn đề tài sản chung là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu của mình. Tại các phiên hòa giải, chị T không hợp tác không ký vào hầu hết các biên bản hòa giải,

3. *Về con chung*: Chị Lê Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Quách Văn D, sinh ngày 09/11/2004, anh Q đồng ý với ý kiến của chị T. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Quách Văn D cũng thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nên ghi nhận. Giao con chung là Quách Văn D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu. Đối với con chung là Quách Văn H, sinh ngày 16/3/1999 đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình riêng nên không giải quyết.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Anh Q xác định không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung. Chị T đề nghị chia tài sản chung là nhà, đất tại tổ 8 phường QT, thành phố TN. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã yêu cầu chị T làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh, nhưng chị T không cung cấp. Vì vậy, không có căn cứ giải quyết trong vụ án này. Chị T, anh Q có quyền tự thỏa thuận hoặc đề nghị phân chia tài sản chung trong một vụ án khác.

5. *Về án phí:* Anh Quách Văn Q phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Quách Văn Q. Cho anh Quách Văn Q được ly hôn với chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung là Quách Văn D, sinh ngày 09/11/2004 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu. Anh Q được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung.

Con lớn Quách Văn H, sinh ngày 16/3/1999 đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình riêng nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có. Tài sản chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi các bên có tranh chấp.

4. Án phí: Anh Quách Văn Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001317 ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân

